

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2019/HS-PT
Ngày: 05/6/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Bùi Đức Nam.

2. Ông Vũ Tất Trình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 157/2019/TLPT-HS ngày 16/4/2019 đối với các bị cáo Thạch M T và Nguyễn V T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn V T; sinh năm: 1989, tại: Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú: thôn Đ T, xã T D, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: 160 TQ, phường TQ, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh dịch vụ khách sạn; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị C; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 27/6/2018 – Có mặt.

2. Thạch M T; sinh năm: 1998, tại: Trà Vinh; nơi đăng ký thường trú: ấp Bích Trì, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: 160 TQ, phường TQ, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lễ tân khách sạn; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Ngọc T và bà Kim Thị Sa K; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày: 27/6/2018 – Có mặt .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Anh Lê N T; sinh năm: 1993; trú tại: 2, Lô B, Chung cư GD, phường T Q, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2/ Anh Lê Hoàng Q; sinh năm: 1988; trú tại: Ấp 1, xã M, huyện BL, tỉnh LA– Vắng mặt.

3/ Chị Lê T T; sinh năm: 1980; trú tại: Phòng số 3, Khách sạn H T, số 160 đường T Q, phường T Q, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

4/ Chị Vũ T H; sinh năm: 1984; trú tại: Phòng số 304, Khách sạn H T, số 160 đường T Q, phường T Q, quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 27/6/2018, Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Công an quận T P và Công an phường T Q tiến hành kiểm tra khách sạn H T - số 160 T Q, phường T Q, quận T P do Nguyễn V T làm chủ, phát hiện Vũ T H và Lê Hoàng Q đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng G002, Lê T T và Lê N T đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 102; nên đưa tất cả về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn V T và Thạch M T khai nhận: Nguyễn V T kinh doanh khách sạn H T tại số 160 T Q, phường T Q, quận T P từ khoảng tháng 3/2018 và có thuê Thạch M T làm nhân viên lễ tân. Từ ngày 01/6/2018 Lê T T đến thuê phòng 302 để ở với giá 250.000 đồng/ngày và đến ngày 06/ 6/2018 Vũ T H đến thuê phòng 304 để ở với giá 250.000 đồng/ngày. Từ khi T và H đến ở, lượng khách nam đến thuê phòng một mình theo giờ tăng lên, nên V T quan sát camera tại khách sạn thì thấy T và H thường vào phòng của các khách nam khoảng 30 phút thì đi ra, sau đó thì khách cũng trả phòng nên V T nghi ngờ T và H bán dâm. Sau đó V T hỏi T thì T nói cho V T biết T và H thuê phòng để đi khách (tức là bán dâm) và đề nghị V T giảm tiền thuê phòng còn 100.000 đồng/ngày/người. Do muốn có thêm thu nhập từ việc cho khách mua dâm thuê phòng nên V T đồng ý. Đối với Thạch M T, khi làm nhân viên lễ tân, N T cũng có quan sát camera và nghi ngờ T và H bán dâm ở khách sạn nên hỏi V T thì V T đã thừa nhận việc T và H bán dâm cho khách tại khách sạn, đồng thời dặn N T nếu có khách đến hỏi tại khách sạn có gái bán dâm không thì trả lời là không và yêu cầu N T chỉ thu tiền của H và T là 100.000 đồng/1 ngày/người. Tổng cộng V T đã thu tiền phòng của T được 01 lần là 700.000 đồng, còn Thạch M T đã thu tiền thuê phòng của T 02 lần khoảng 1.400.000 đồng, thu tiền thuê phòng của H khoảng 2.000.000 đồng rồi giao lại cho V T. Đối với khách thuê phòng theo giờ V T lấy giá tiền là 80.000 đồng/giờ nhưng không ghi tên vào sổ lưu trú để theo dõi, đồng thời do không theo dõi công việc của T và H nên V T và N T không xác định được số lượng khách đến mua dâm và không xác định được số tiền phòng đã thu của khách thuê để mua dâm.

Lê T T và Vũ T H khai nhận: Qua thỏa thuận với một người phụ nữ tên Thanh (chưa rõ lai lịch) thì Thanh giới thiệu T và H đến khách sạn H T thuê phòng để bán dâm. Khi có khách mua dâm đến thuê phòng khách sạn, Thanh sẽ báo cho T và H biết để đến phòng của khách bán dâm với giá 400.000 đồng/lần, trong đó tiền công giới thiệu của Thanh là 200.000 đồng/lần. H và T bắt đầu vào ở tại khách sạn H T để thực hiện hành vi bán dâm từ đầu tháng 6 năm 2018, trung bình mỗi ngày T bán dâm cho từ 02 đến 06 khách và H bán dâm từ 05 đến 10 khách. T và H trả tiền công môi giới cho Thanh thông qua một người đàn ông chạy xe grab. Khoảng hơn 15 giờ ngày 27/06/2018, Thanh nhắn tin cho T báo xuống phòng 102 bán dâm cho Lê N T và nhắn tin cho H báo xuống phòng G002 để bán dâm cho Lê Hoàng Q. Khi T và Thanh, H và Quân đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị kiểm tra bắt quả tang.

Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Lê T T và Vũ T H về hành vi bán dâm, theo quy định tại Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Các đối tượng Lê Hoàng Q và Lê N T khai nhận: Ngày 27/6/2018, thông qua trang mạng xã hội Zalo cả hai được một người phụ nữ (không rõ lai lịch) giới thiệu đến mua dâm tại khách sạn H T. Quân đến thuê phòng G002 của khách sạn để thực hiện hành vi mua bán dâm với H, Thanh đến thuê phòng số 102 để mua bán dâm với T thì bị công an phát hiện. Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Hoàng Q và Lê N T về hành vi mua dâm theo quy định tại Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với người phụ nữ tên Thanh, do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa đủ căn cứ xử lý, Cơ quan điều tra Công an quận T P đang tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có cơ sở sẽ đưa ra xử lý sau.

Vật chứng của vụ án: 02 bao cao su hiệu Doctor đã qua sử dụng; số tiền 800.000 đồng là tiền mua dâm do Lê Hoàng Q và Lê N T trả cho T và H; 5.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do bị cáo V T tác động gia đình nộp; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, số Imei: 354383065222228, thu của Nguyễn V T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu vàng, số Imei: 356571081345464 thu của Lê T T; 01 điện thoại di động hiệu Samsung số Imei 357224070056457, 01 điện thoại di động hiệu Iphone số Imei 358371069955576 thu của Vũ T H; 01 sổ lưu trú khách sạn H T; 01 đầu thu kỹ thuật số hiệu KCA màu đen.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HSST ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân quận T P, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn V T và Thạch M T phạm tội “Chứa mại dâm”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn V T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 27/6/2018.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Thạch M T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 27/6/2018.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/3/2019, các bị cáo Nguyễn V T và Thạch M T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T P kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phần thủ tục, bị cáo Nguyễn V T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Bị cáo Thạch M T giữ nguyên kháng cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng như các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Thạch M T về tội “Chứa mại dâm” theo Khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan sai. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời gian luật định, hợp lệ nên cần được xem xét.

Xét, bị cáo Thạch M T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng tại phiên tòa không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới và không đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo, mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thạch M T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn V T, tại phiên tòa tự nguyện rút đơn kháng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với bị cáo Nguyễn V T.

Bị cáo Thạch M T không tranh luận chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo vì bản thân là người làm công, gia đình có hoàn cảnh khó khăn và đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, mong muốn nhận được mức án khoan hồng để có cơ hội sớm chấp hành xong bản án và làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong phần thủ tục tại phiên tòa, Nguyễn V T đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; nên căn cứ vào Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với bị cáo Nguyễn V T.

Tại phiên tòa, bị cáo Thạch M T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ đồ vật – tài liệu, lời khai của (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng) cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn V T là chủ khách sạn H T và thuê Thạch M T làm nhân viên lễ tân. Từ ngày 01/6/2018, Lê T T đến thuê phòng 302 và ngày 06/6/2018, Vũ T H đến thuê phòng 304 của khách sạn để ở. Nguyễn V T và Thạch M T biết rõ T và H là hai gái bán dâm nhưng vẫn cho thuê phòng với giá rẻ hơn so với giá thực tế, tạo điều kiện cho hai người này hoạt động bán dâm tại khách sạn để thu lợi tiền thuê phòng từ khách đến mua dâm. Vào khoảng 15h20' ngày 27/6/2018, tại khách sạn H T, khi Vũ T H cùng Lê Hoàng Q đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng G002 và Lê T T cùng Lê N T đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 102; thì bị Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn V T cùng đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, tiếp tay cho lối sống suy đồi về đạo đức, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và là nguyên nhân làm lây lan các căn bệnh xã hội; gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng với động cơ vụ lợi vẫn cố ý phạm tội, trả đũa lên thân xác phụ nữ để hưởng lợi.

Xét, bị cáo Nguyễn V T đã đồng phạm cùng Nguyễn M T đã có hành vi nhiều lần sử dụng các phòng khách sạn nơi mình có trách nhiệm quản lý để chứa chấp cho các gái bán dâm Lê T T và Vũ T H thực hiện hành vi mua bán dâm với khách mua dâm nên thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”, là tình tiết định khung trách nhiệm hình sự.

Với hành vi của bị cáo Nguyễn M T và đồng phạm nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử bị cáo Thạch M T phạm tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét về hình thức đơn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/3/2019 Nguyễn M T có đơn kháng cáo là làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo: Xét khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có nhân thân tốt; quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính; là người dân tộc thiểu số. Ngoài ra, án sơ thẩm còn nhận định về vai trò tham gia đồng phạm là người làm thuê để áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử hình phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo là thỏa đáng; đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; mới đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Xét, bị cáo Nguyễn V T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới và bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở nên” không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật để. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên giữ nguyên án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo Thạch M T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+Căn cứ vào Khoản 1 Điều 342 và khoản 1, khoản 3 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa của bị cáo Nguyễn V T. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với Nguyễn V T.

+Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thạch M T và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Thạch M T phạm tội “Chứa mại dâm”.

+Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) .

Xử phạt: bị cáo Thạch M T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2018.

+Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thạch M T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận T P; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- THA quận T P; (2)
- TAND quận T P; (2)
- Công an quận T P; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh